

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 679/2024/HS-ST

Ngày: 13/11/2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.

Thẩm phán: Bà **Trần Thị Lê Na**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Luân**

Bà **Bạch Thị Kim Loan**

Bà **Lê Thị Thanh Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Hùng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Thúy**- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 544/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 544/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Bị cáo: TRỊNH TUẤN A, Sinh năm 1990; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Trịnh Quang Đ và con bà: Nguyễn Thị H; Có vợ: Quấn Thị H1 và 2 con (con thứ nhất sinh năm 2018, con thứ 2 sinh ngày 22/6/2022). Tiền án: Không; tiền sự: Công an huyện H xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi đánh nhau (*Quyết định xử phạt hành chính số 257 ngày 28/01/2020; nộp phạt ngày 12/12/2023*).

Bị cáo bị bắt ngày 16/11/2023; Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1, Công an thành phố H, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn H2-Công ty L2 và cộng sự
- Đoàn luật sư T5., (Có mặt).

Bị hại: bà **Nguyễn Thị K**, sinh: 1964, trú tại: Tổ A phường M, quận N, Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ 01/2022 đến tháng 7/2022, vợ chồng chị Nguyễn Thị H (sinh năm: 1990) và Nhữ Anh H3 (sinh năm: 1991) cùng trú tại tổ A, phường M, quận N, TP Hà Nội bị các cơ quan tố tụng quận H về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo Điều 341 Bộ luật hình sự. Quá trình Công an quận H giải quyết chị Nguyễn Thị qua M xã hội chị H quen biết Trịnh Tuấn A giới thiệu là khả năng xin được “án treo” cho vợ chồng H nên bà Nguyễn Thị K (sinh: 1964, trú tại: Tổ A phường M, quận N, Hà Nội- mẹ đẻ chị H) đã cùng với vợ chồng ông Nhữ Mạnh H4, bà Trương Thị T (trú tại: khối A phường L, Tp V, tỉnh Nghệ An – bố mẹ đẻ anh Nhữ Anh H3) gặp và được Tuấn A có giới thiệu đang ở Thanh tra Chính phủ, có mối quan hệ rộng, có thể xin cho H và H3 được hưởng “án treo” với chi phí hết 400.000.000 đồng. Tin tưởng Tuấn A nên trong ngày 04/4/2022, bà K chuyển khoản số tiền 400.000.000 đồng (trong đó của ông Nhữ Mạnh H4 300.000.000 đồng và của bà K 100.000.000 đồng) từ tài khoản của bà K đến tài khoản số 45010005297588 của Trịnh Tuấn A mở tại ngân hàng B với nội dung “*vo chong hoang ha chuyen tien lo viec*”. Sau đó, Tuấn A nói với bà K là có “03 đơn kiện” liên quan đến vụ việc của H và H3 nên cần phải xử lý và yêu cầu bà K chi 100.000.000 đồng để đi cảm ơn “*các sếp*”. Ngày 17/6/2022, bà K chuyển khoản 100.000.000 đồng (là tiền do ông H4 chuyển cho bà K) đến tài khoản 6338668999999 mang tên Nguyễn Đình T1 (sinh năm: 1990; Trú tại: TDP H, phường D, quận H, TP Hà Nội) mở tại ngân hàng Q (M1) theo yêu cầu của Tuấn A. Tuy nhiên sau khoảng 02 ngày, Tuấn A tiếp tục gặp bà K và yêu cầu phải chuyển tiếp 150.000.000 đồng nữa để giải quyết xong việc xét xử của H3. Ngày 20/6/2022, tại khu vực vỉa hè ngõ A Đ - phường M - quận N - TP Hà Nội, bà K đưa cho Tuấn A 80.000.000 đồng nhưng không viết giấy tờ biên nhận và ngày 21/6/2022 bà K chuyển khoản 20.000.000 đồng đến tài khoản của Tuấn A rồi gọi điện thoại cho Tuấn A xin nợ lại 50.000.000 đồng sẽ lo sau.

Đến ngày 24/6/2022, Tòa án nhân dân quận Hà Đông, TP Hà Nội (viết tắt TAND) mở phiên tòa xét xử vụ án có liên quan đến H và H3. Tại bản án số 136/2022/HSST ngày 24/6/2022, TAND quận Hà Đông xử phạt “*Nguyễn Thị H 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Nhữ Anh H3 39 tháng tù giam*”. Sau khi thấy con rể là Nhữ Anh H3 vẫn bị TAND quận Hà Đông xử 39 tháng tù giam, bà K gọi điện hỏi Tuấn A lý do thì Tuấn A yêu cầu bà K chuyển nốt số tiền 50.000.000 đồng để Tuấn A lo thủ tục kháng cáo, xét xử phúc thẩm ở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Do vậy, ngày 27/6/2022, bà K chuyển khoản 50.000.000 đồng (tiền do ông Nhữ Mạnh H4 chuyển) cho Tuấn A với nội dung “*chuyen khoan Tuan A1 lo viec cho Hoang H5*”. Khoảng 15 ngày sau, Tuấn A đến tiếp tục đến quán nước của bà K ở phường M, yêu cầu bà K chuyển số tiền 20.000.000 đồng để Tuấn A mời “*các anh xét xử phúc thẩm uống nước*” nên bà K đã đưa cho Tuấn A 20.000.000 đồng (bằng tiền mặt nhưng không viết giấy biên nhận).

Sau khi nhận từ bà K tổng số tiền 670.000.000 đồng trên, Tuấn A đã sử dụng trả nợ cho bà Đỗ Thị Lan A2 (*sinh năm: 1975; HKTT: Số C Ngõ D đường B, phường V, quận B, TP Hà Nội*) số tiền 235.000.000 đồng, số tiền còn lại Tuấn A sử dụng chi tiêu cá nhân, không xin cho Nhữ A3 H3 được hưởng “án treo” như hứa hẹn, không trả lại tiền cho bà K. Ngày 25/4/2023, bà K đã gửi đơn tố giác Trịnh Tuấn A đến cơ quan công an.

Đến ngày 04/5/2023, Trịnh Tuấn A cùng mẹ đẻ bà Nguyễn Thị H (*sinh năm: 1967; Trú tại: xã Đ, huyện H, TP Hà Nội*) đến nhà bà K tại phường M để trả tiền cho bà K. Tại đây sự chứng kiến của anh Tạ Duy C (*sinh năm: 1973; Trú tại: xã Đ, huyện H, TP Hà Nội*), anh Nguyễn Văn T2 (*sinh năm: 1984; Trú tại: xã Đ, huyện H, TP Hà Nội*) đều là hàng xóm của nhà Tuấn A và anh Lê Huy H6 (*sinh năm: 1975; Trú tại: Ngõ A Đ, phường M, quận N, TP Hà Nội - là hàng xóm của bà K*); Tại đây, Tuấn A xác nhận việc nhận số tiền 670.000.000 đồng của bà K để lo “chạy án treo”, Bà K đồng ý cho Tuấn A số tiền 170.000.000 đồng còn Tuấn A sẽ phải trả bà K số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên do không đủ nên Tuấn A trả trước 400.000.000 đồng còn lại 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bà H có trách nhiệm trả cho bà K trong thời hạn 1 tháng (*bà H viết bằng 01 giấy biên nhận đề ngày 04/5/2023 riêng giao cho bà K*). Khi nhận số tiền 400.000.000 đồng, bà K viết cho Tuấn A 01 Giấy giao nhận tiền với nội dung “*...Hôm nay, ngày 04/05/2023, anh Trịnh Tuấn A....có giao cho tôi là Nguyễn Thị K số tiền 500 triệu đồng...*” và lập 01 biên bản hòa giải với nội dung “*...Hôm nay ngày 04/05/2023, anh Trịnh Tuấn A có mang tiền đến là 500*

triệu đồng trả khoản vay giao cho bà K. Hai bên thống nhất và cam kết không xảy ra các vấn đề liên quan đến khiếu kiện, khiếu nại hay tố cáo bất kể vấn đề gì liên quan giữa 2 bên về mặt pháp luật từ nay về sau...”. Anh T2 đã chụp ảnh lại giấy hòa giải này và giao biên bản lại cho Tuấn A giữ.

Khoảng 02 ngày sau, Tuấn A gọi điện thoại hẹn bà K ra khu vực trước cổng sân vận động Q1. Tại đây, Tuấn A đưa cho bà K 01 giấy vay tiền đã được viết sẵn với nội dung “...Hôm nay ngày 04/4/2022, tôi Trịnh Tuấn A....có vay của cô K số tiền 670 triệu đồng để sử dụng mục đích cá nhân và hẹn cô K trong 01 năm sẽ hoàn trả số tiền trên” và bảo bà K ký, xác nhận vào phần người cho vay, ghi nội dung “Tôi là Nguyễn Thị K có nhận của cháu một mặt dây chuyền và 1 nhẫn bằng vàng và đá rubi trị giá bằng 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn). Cháu còn nợ lại tôi 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn). Cô cháu thỏa thuận không nhận tiền lãi của cháu”, đồng thời bảo bà K viết thêm vào biên bản hòa giải lập ngày 04/5/2023 dòng chữ “Ngày 04/04/2022, anh Trịnh Tuấn A có vay tôi số tiền”, viết thêm vào giấy giao nhận tiền lập ngày 04/5/2023 dòng chữ “cháu đã vay ngày 04/04/2022”. Tuấn A nói với bà K để hợp thức hóa cho việc hòa giải nên “nhờ” bà K ký và ghi thêm nội dung trên vào các giấy vay tiền, biên bản hòa giải, giấy giao nhận tiền trên và giao lại cho Tuấn A giữ.

Tài liệu thu giữ: 01 Biên bản hòa giải, 01 Giấy giao nhận tiền ngày 04/05/2023; 01 giấy vay tiền ngày 04/04/2022.

Tại bản kết luận giám định số 9393/KL-KTHS ngày 12/01/2024, kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị K trên **Biên bản hòa giải**; các chữ “Hôm nay ngày 04/05/2023” “cháu đã vay ngày 04/04” và chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị K dưới mục “người cho vay” trên **Giấy vay tiền ngày 04/05/2022** là do bà K ký và viết ra.
2. Chữ ký, chữ viết đứng tên Trịnh Tuấn A trên Biên bản hòa giải, trên Giấy giao nhận tiền ngày 04/5/2022 và trên Giấy vay tiền ngày 04/05/2022 là chữ ký và chữ viết của Trịnh Tuấn A.
3. Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T2 “Người làm chứng” là do Nguyễn Văn T2 ký và viết ra.

Sao kê tài khoản ngân hàng có các giao dịch như đã nêu trên.

Xác minh tại Thanh tra Chính phủ: Thanh tra Chính phủ không có công chức, viên chức và người lao động là Trịnh Tuấn A đã và đang công tác tại Thanh tra Chính phủ.

Xác minh tại B1 – Thanh tra Chính phủ: Ngày 10/5/2017 B1 ký hợp đồng khoán việc với Trịnh Tuấn A, nội dung: Tuấn A thực hiện công việc khai thác, quảng cáo, thông tin tuyên truyền, thời hạn hợp đồng từ 21/4/2017 – 20/3/2018. Sau khi hết hạn hợp đồng B1 không ký hợp đồng kế tiếp với Tuấn A.

Tiến hành kiểm tra điện thoại của bà Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T2, tạm giữ hình ảnh các đoạn tin nhắn giữa bà K và Trịnh Tuấn A thể hiện việc Tuấn A yêu cầu bà K cung cấp thông tin tên tuổi, tội danh bị bắt, cơ quan đang thụ lý, yêu cầu gia đình chuyển thêm tiền để lo việc... các hình ảnh thể hiện việc giao nhận tiền giữa Tuấn A và bà K ngày 04/5/2023 tại nhà bà K; máy điện thoại của anh T2 có hình ảnh chụp Biên bản hòa giải ngày 04/5/2023... Kết quả phù hợp với nội dung vụ án.

Tại cơ quan điều tra Trịnh Tuấn A không khai nhận nội dung như đã nêu trên mà khai số tiền 670.000.000 đồng là vay của bà K vào ngày 04/4/2022 để sử dụng vào mục đích cá nhân, thời hạn vay là 01 năm, không tính lãi suất, sau khi vay tiền, Tuấn A sử dụng đầu tư lan đột biến nhưng thua lỗ hết. Đến nay, Tuấn A đã thanh toán trả hết tiền cho bà K (*Lần 1: Ngày 16/01/2023 Tuấn A đã trả cho bà K 01 mặt dây chuyền bằng vàng, 01 nhẫn bằng vàng đều gắn đá quý có trị giá tương ứng là 170 triệu. Lần 2: Ngày 04/5/2023, tại nhà riêng của bà K ở phường M, mẹ đẻ Tuấn A là bà Nguyễn Thị H đã thanh toán trả cho bà K số tiền 500 triệu đồng*); về nguồn gốc mặt dây chuyền vàng, nhẫn vàng trên do người quen của Tuấn A tên là H7 tặng vào khoảng tháng 10 năm 2021 (quen qua mạng xã hội facebook nên không biết địa chỉ, tên tuổi cụ thể)

Bà Nguyễn Thị K khai phù hợp với nội dung vụ án như đã nêu trên và khai trong tổng số 670.000.000 đồng bà K chuyển cho Tuấn A (trong đó của ông Nhữ Mạnh H4 450.000.000 đồng, của bà K 220.000.000 đồng). Đối với việc cầm của Tuấn A 01 mặt dây chuyền và 01 nhẫn bằng vàng là sau khi thấy con rể là Nhữ Anh H3 vẫn bị TAND quận Hà Đông xử 39 tháng tù giam, thì Tuấn A yêu cầu bà K chuyển nốt số tiền 50.000.000 đồng để Tuấn A lo thủ tục kháng cáo, xét xử phúc thẩm ở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Bà K nói không còn tiền nữa nên Tuấn A đặt vấn đề cho bà K mượn 01 mặt dây chuyền bằng vàng, 01 nhẫn bằng vàng đều có gắn đá quý của Tuấn A để bà K đi “*cầm cố*” lấy tiền đưa cho Tuấn A, khi nào bà K có tiền sẽ “*chuộc*” lại trả Tuấn A nên bà K đồng ý. Ngày 26/6/2022, tại nhà Tuấn A ở thôn Đ, Tuấn A đưa cho bà K 01 mặt dây chuyền bằng vàng, 01 nhẫn bằng vàng có gắn đá quý trên, việc giao nhận nhẫn và mặt dây chuyền trên chỉ có Tuấn A và bà K ngoài ra không có ai

chứng kiến, không viết giấy tờ biên nhận gì. Tuy nhiên bà K không mang cầm cố sổ tài sản trên của Tuấn A. Sau khi Tuấn A không thực hiện như cam kết. Quá trình điều tra bà K đã nhận đủ số tiền 670.000.000 đồng, không yêu cầu về dân sự và đề nghị xử lý Tuấn A theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Nhữ Mạnh H4, bà Trương Thị T khai phù hợp với lời khai của bà K và phù hợp với kết quả sao kê tài khoản ngân hàng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông H4 yêu cầu bà K trả tiền cho ông đồng thời ủy quyền cho bà K đại diện giải quyết với Tuấn A và đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Tuấn A.

Tại cơ quan điều tra bà Nguyễn Thị H, anh C, anh T2, anh H4, và những người liên quan khai phù hợp với lời khai của bà K và phù hợp với nội dung vụ án trên.

Cáo trạng số: 537/CT-VKS-P3 ngày 14/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Trịnh Tuấn A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Đ a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà Nguyễn Thị K có mặt trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bà đã nhận lại đủ tiền mà bà đã giao cho Tuấn A, bà không đề nghị Tòa án giải quyết về dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tội danh: Bị cáo Trịnh Tuấn A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Hình phạt: Phạt Trịnh Tuấn A từ 09 năm tù đến 10 năm tù.

Về dân sự: Bị cáo đã trả tiền xong cho bị hại nên không xét.

Người bào chữa cho bị cáo ý kiến: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo lần đầu phạm tội có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, tích cực tham gia hoạt động thiện nguyện ở địa phương được chính quyền địa phương ghi nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và hình phạt áp dụng với các bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù Trịnh Tuấn A không phải là cán bộ của Thanh tra Chính phủ, không có chức năng, không có khả năng trong việc giải quyết các vụ án hình sự và quyết định hình phạt nhưng Tuấn A giới thiệu với bà Nguyễn Thị K và vợ chồng ông Nhữ Mạnh H4, bà Trương Thị T về việc Tuấn A đang làm ở Thanh tra Chính phủ, có mối quan hệ rộng, có thể lo “chạy án treo” cho vợ chồng con gái bà K. Tin tưởng Tuấn A nên trong khoảng thời gian từ 04/4/2022 đến tháng 7/2022, bà K đã chuyển tiền cho Tuấn A thành nhiều lần với tổng số tiền là 670.000.000 đồng (trong đó của ông Nhữ Mạnh H4 450.000.000 đồng; của bà K 220.000.000 đồng). Sau khi nhận số tiền trên Tuấn A đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân, trả nợ hết. Quá trình điều tra Tuấn A đã trả cho bà K số tiền 670.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chiếm đoạt của bị hại số tiền 670.000.000 đồng là xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự do bị cáo gây ra. Hành vi của bị cáo Trịnh Tuấn A đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, VKSND.TP Hà Nội truy tố bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét:

Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, bị cáo chiếm đoạt số tiền trên mức khởi điểm của điều luật đến nay đã bồi thường xong nên tính chất, mức độ nguy hiểm tội phạm giảm đáng kể.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã bồi thường cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo lần đầu phạm tội nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, nên được áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Bị cáo chiếm đoạt của bị hại với tổng số tiền 670.000.000đồng đã khắc phục xong, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt.

Bị cáo có 01 tiền sự chưa được xóa lại phạm tội nên coi là có nhân thân xấu.

[2.2] Các vấn đề khác:

Về nghĩa vụ hoàn trả: Bị cáo đã trả xong tiền cho bị hại nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Bị cáo tuyên có tội nên phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Căn cứ:** Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

[2]. **Tuyên bố:** Bị cáo Trịnh Tuấn A phạm tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Phạt: Bị cáo Trịnh Tuấn A 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2023.

[3]. **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P3);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Thu Thủy